TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuân
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Trần Văn Tam
- Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 393/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2023; Quyết định hoãn phiên toà số: 338/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn 3, xã EK, thành phố BMT, tỉnh ĐL (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố 11, phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN.

Địa chỉ làm việc: Công ty TNHH Thiết Bị Nặng M – Chi nhánh BH, số 11, Đường 1A, KCN BH2, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Nguyễn Thị V) và ông Phạm Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã EK, thành phố BMT, tỉnh ĐL và được UBND xã EK cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76/2022 ngày 27/5/2022.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên lục đục, do tính tình không còn hợp nhau, suy nghĩ của hai vợ chồng có nhiều điểm trái ngược, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau… Vì không muốn gia đình đỗ vỡ nên đã nhiều lần họ hàng hai bên gia đình cũng như vợ chồng ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống của hai vợ chồng không còn hòa thuận, tình cảm vợ chồng nay cũng không còn nên không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi (V) được ly hôn với ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Tôi (V) và ông Phạm Văn T chung sống với nhau không có con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông Phạm Văn Triều Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn" là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật; bị đơn ông Phạm Văn T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét xử cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Phạm Văn T.

+ Về con chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn T chung sống với nhau không có con chung nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đông) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 10, khu phố 11, phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa đề ngày 07/7/2023, xét đơn của bà V làm hợp lệ nên chấp nhận. Bị đơn ông Phạm Văn T Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã EK, thành phố BMT, tỉnh ĐL và được UBND xã EK cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76/2022 ngày 27/5/2022. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân giữa bà V và ông T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ, bà V kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Phạm Văn T do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được như trình bày trên.

Theo biên bản xác minh ngày 26/6/2023 tại UBND phường AB, thành phố BH (Bút lục số 28) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: "Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn T tại địa chỉ: Tổ 10, khu phố 11, phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN có xảy ra hay không địa phương không nắm rõ do không nhận được trình báo cũng như liên hệ để giải quyết mâu thuẫn". Theo Biên bản xác minh tại Công an phường AB, thành phố BH ngày 22/5/2023 (Bút lục số 27) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: "Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986 có sinh sống tại địa chỉ: Tổ 10, khu phố 11, phường AB, thành phố BH, tỉnh ĐN". Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông T đến trụ sở làm việc, tổ chức phiên họp hòa giải để bà V và ông T đoàn tụ gia đình nhưng ông T đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án lập biên bản không tiến hành làm việc, hòa giải đoàn tụ được. Việc ông T không đến Tòa án cung cấp chứng cứ chứng minh là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Qua xem xét đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn và chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ, HĐXX xét

thấy mâu thuẫn giữa bà V và ông T là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được theo như bà V trình bày trên nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét xử cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn T chung sống với nhau không có con chung, đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V về việc "Ly hôn" đối với bị đơn ông Phạm Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn T chung sống với nhau không có con chung.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai thu số 0006362 ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà V đã nộp đủ án phí.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và bị đơn ông Phạm Văn T đều vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND xã EK, TP. BMT, tỉnh ĐL (Giấy CNKH số 76/2022, ngày 27/5/2022);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuân